

BÁO CÁO

Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các Sở, Ban, ngành; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện, thành phố

Thực hiện Quyết định số 1150/QĐ-BNV ngày 30/12/2019 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”. UBND tỉnh Đắk Nông báo cáo kết quả Chỉ số CCHC năm 2020 đối với các Sở, Ban, ngành; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện, thành phố (gọi chung các cơ quan, đơn vị), như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ BỘ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX) TỈNH ĐẮK NÔNG

1. Hệ thống văn bản triển khai

Thực hiện Quyết định số 1150/QĐ-BNV ngày 30/12/2019 của Bộ Nội vụ, ngày 05/10/2020, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 1474/QĐ-UBND về việc quy định đánh giá, xác định Chỉ số CCHC trên địa bàn tỉnh (*Quyết định số 1474/QĐ-UBND*); Quyết định số 1770/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định, đánh giá, xác định Chỉ số CCHC (*Quyết định số 1770/QĐ-UBND*).

Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Đắk Nông đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá, xác định Chỉ số CCHC cho các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố năm 2020, đối tượng tham gia gồm: Lãnh đạo cấp phòng, chuyên viên phụ trách công tác CCHC các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đã hướng dẫn các cơ quan, đơn vị chuẩn bị tài liệu kiểm chứng, tự đánh giá, xác định Chỉ số CCHC, đồng thời giải trình các vướng mắc có liên quan của các cơ quan, đơn vị.

2. Đối tượng đánh giá

- Cấp tỉnh: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh (*gọi chung là các cơ quan cấp tỉnh*); Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh gồm: Bảo hiểm xã hội tỉnh; Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh (*gọi chung là các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh*).

- Cấp huyện: UBND các huyện, thành phố (*gọi chung là UBND cấp huyện*).

3. Cấu trúc Bộ Chỉ số CCHC cấp tỉnh, cấp huyện

3.1. Cấu trúc Bộ Chỉ số CCHC cấp tỉnh: Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC các cơ quan cấp tỉnh được cấu trúc thành 07 lĩnh vực, 36 tiêu chí và 67 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 05 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 04 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 07 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 05 tiêu chí và 05 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC): 07 tiêu chí và 07 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tài chính công: 04 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần;
- Hiện đại hóa hành chính: 04 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần.

3.2. Cấu trúc Bộ Chỉ số CCHC cấp huyện: Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC UBND cấp huyện được cấu trúc thành 07 lĩnh vực, 41 tiêu chí và 83 tiêu chí thành phần, cụ thể:

- Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: 06 tiêu chí và 18 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 04 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính: 07 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 07 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC: 09 tiêu chí và 09 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tài chính công: 04 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần;
- Hiện đại hóa hành chính: 04 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần.

4. Phương pháp đánh giá, xác định Chỉ số CCHC

- Tự đánh giá: Các cơ quan, đơn vị tự đánh giá, xác định và cho điểm kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định tại Quyết định số 1474/QĐ-UBND và Công văn số 1671/SNV-CCHC ngày 05/11/2020 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC.

- Điểm thẩm định: Hội đồng thẩm định cấp tỉnh trên cơ sở thực tế và tài liệu kiểm chứng để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh (nếu cần thiết).

- Thang điểm: Bộ tiêu chí cấp tỉnh và cấp huyện có tổng 100 điểm.

- Xếp loại: Kết quả Chỉ số CCHC của các cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp huyện được phân loại theo 05 mức độ, cụ thể:

- Cao: Chỉ số CCHC đạt từ 95% trở lên.

- Tương đối cao: Chỉ số CCHC đạt từ 80% đến dưới 95%.

- Trung bình: Chỉ số CCHC đạt từ 70% đến dưới 80%.

- Tương đối thấp: Chỉ số CCHC đạt từ 60% đến dưới 70%.
- Thấp: Chỉ số CCHC đạt dưới 60%.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Thành lập Tổ tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại của các đơn vị

Trên cơ sở quy định tại Quyết định số 1474/QĐ-UBND các cơ quan, đơn vị đã thành lập Tổ tự đánh giá, chấm điểm và thực hiện tự đánh giá chấm điểm đối với kết quả thực hiện CCHC năm 2020 của đơn vị mình. Việc tổng hợp kết quả tự chấm điểm và tài liệu kiểm chứng đối với từng tiêu chí được các cơ quan, đơn vị gửi về Hội đồng thẩm định cấp tỉnh thông qua phần mềm quản lý chấm điểm CCHC. Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng các cơ quan, đơn vị đã xây dựng báo cáo giải trình về việc đánh giá, chấm điểm và đính kèm trên phần mềm quản lý chấm điểm CCHC.

Nhìn chung, công tác tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC được các đơn vị quan tâm triển khai thực hiện, đánh giá đúng thực chất, hiệu quả trong công tác CCHC. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng một số đơn vị gửi tài liệu kiểm chứng không đúng, không đầy đủ và không có giải trình rõ ràng, cụ thể gây khó khăn cho việc xem xét, đánh giá và chấm điểm Chỉ số CCHC của tỉnh.

2. Công tác thẩm định, đánh giá của Hội đồng thẩm định

Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC tỉnh và Hội đồng thẩm định thành lập Tổ giúp việc gồm các thành viên thuộc các Sở, Ban, ngành gồm: Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Tài chính và Văn phòng UBND tỉnh để giúp Hội đồng thẩm định rà soát, đối chiếu tài liệu kiểm chứng và kết quả thực hiện CCHC của các đơn vị.

Từ ngày 01/12 - 15/12/2020, Sở Nội vụ đã mở phần mềm để các cơ quan, đơn vị triển khai tự đánh giá, chấm điểm, gửi tài liệu kiểm chứng và báo cáo tự đánh giá Chỉ số CCHC của đơn vị.

Ngày 21/12/2020, Tổ giúp việc họp, rà soát kết quả tự chấm của các cơ quan, đơn vị và chấm điểm. Việc đánh giá được thực hiện theo đúng nguyên tắc tại Quyết định số 1474/QĐ-UBND và các văn bản hướng dẫn. Điểm mới trong đánh giá, xác định chỉ số CCHC năm 2020 là việc đưa vào sử dụng phần mềm quản lý, chấm điểm. Theo đó, việc tự đánh giá, gửi tài liệu kiểm chứng của các đơn vị nhanh gọn, thuận tiện. Mặt khác, việc tổ chức thẩm định, chấm điểm các tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC đã được các thành viên của Tổ giúp việc thực hiện một cách nghiêm túc, có trách nhiệm, đảm bảo công tác rà soát, đánh giá kỹ lưỡng, tỉ mỉ, chính xác việc chấm điểm của các cơ quan, đơn vị.

Trên cơ sở tổng hợp lần 1, Sở Nội vụ chuyển trả kết quả chấm điểm trên phần mềm để các cơ quan, đơn vị rà soát, bổ sung tài liệu kiểm chứng và giải trình những tiêu chí chấm điểm chưa phù hợp, bảo đảm sự đồng thuận, chặt chẽ, khách quan trong đánh giá.

Sau khi các cơ quan, đơn vị có ý kiến phản hồi, Hội đồng thẩm định tổ chức họp, thảo luận và thống nhất. Việc tổ chức thẩm định đã được thực hiện một cách nghiêm túc, có trách nhiệm cao, theo đó kết quả tự đánh giá, mức điểm của các cơ quan, đơn vị đã được rà soát kỹ lưỡng, bảo đảm kết quả đánh giá đúng thực tế, công bằng giữa các cơ quan, đơn vị và tạo được sự thống nhất cao.

III. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX) NĂM 2020

1. Kết quả chỉ số CCHC của các đơn vị cấp tỉnh

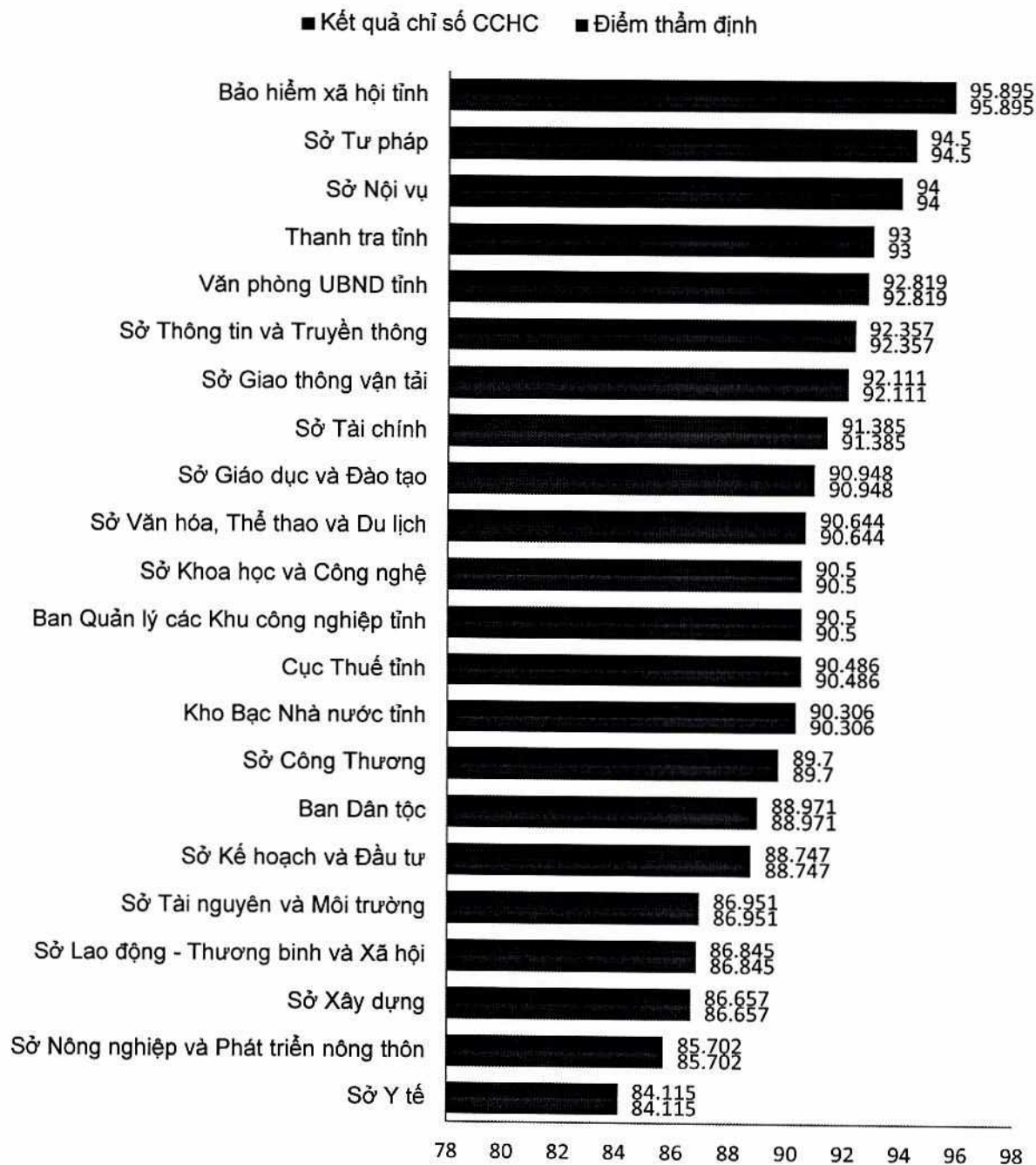
Chỉ số CCHC của các đơn vị cấp tỉnh năm 2020 có giá trị trung bình đạt 90.32, cao hơn năm 2019 là 4.1% (Năm 2019 đạt 86.22%), được chia thành 02 nhóm, cụ thể:

- Nhóm cao: Chỉ số CCHC đạt từ 95% trở lên gồm 01 đơn vị (chiếm 4.54%): Bảo hiểm xã hội tỉnh, đạt 95.9%.

- Nhóm tương đối cao: Chỉ số CCHC đạt từ 80% đến dưới 95% gồm 21 đơn vị (chiếm 95.46%), cụ thể:

Xếp hạng	Các Sở, ngành	Điểm thẩm định	Chỉ số CCHC
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh	95.9	95.895
2	Sở Tư pháp	94.5	94.5
3	Sở Nội vụ	94	94
4	Thanh tra tỉnh	93	93
5	Văn phòng UBND tỉnh	92.82	92.819
6	Sở Thông tin và Truyền thông	92.36	92.357
7	Sở Giao thông vận tải	92.11	92.111
8	Sở Tài chính	91.38	91.385
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	90.95	90.948
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	90.64	90.644
11	Sở Khoa học và Công nghệ	90.5	90.5
11	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	90.5	90.5
12	Cục Thuế tỉnh	90.49	90.486
13	Kho Bạc Nhà nước tỉnh	90.31	90.306
14	Sở Công Thương	89.7	89.7
15	Ban Dân tộc	88.97	88.971
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	88.75	88.747
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	86.95	86.951

18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	86.84	86.845
19	Sở Xây dựng	86.66	86.657
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	85.7	85.702
21	Sở Y tế	84.12	84.115
	Giá trị trung bình	90.32	90.32

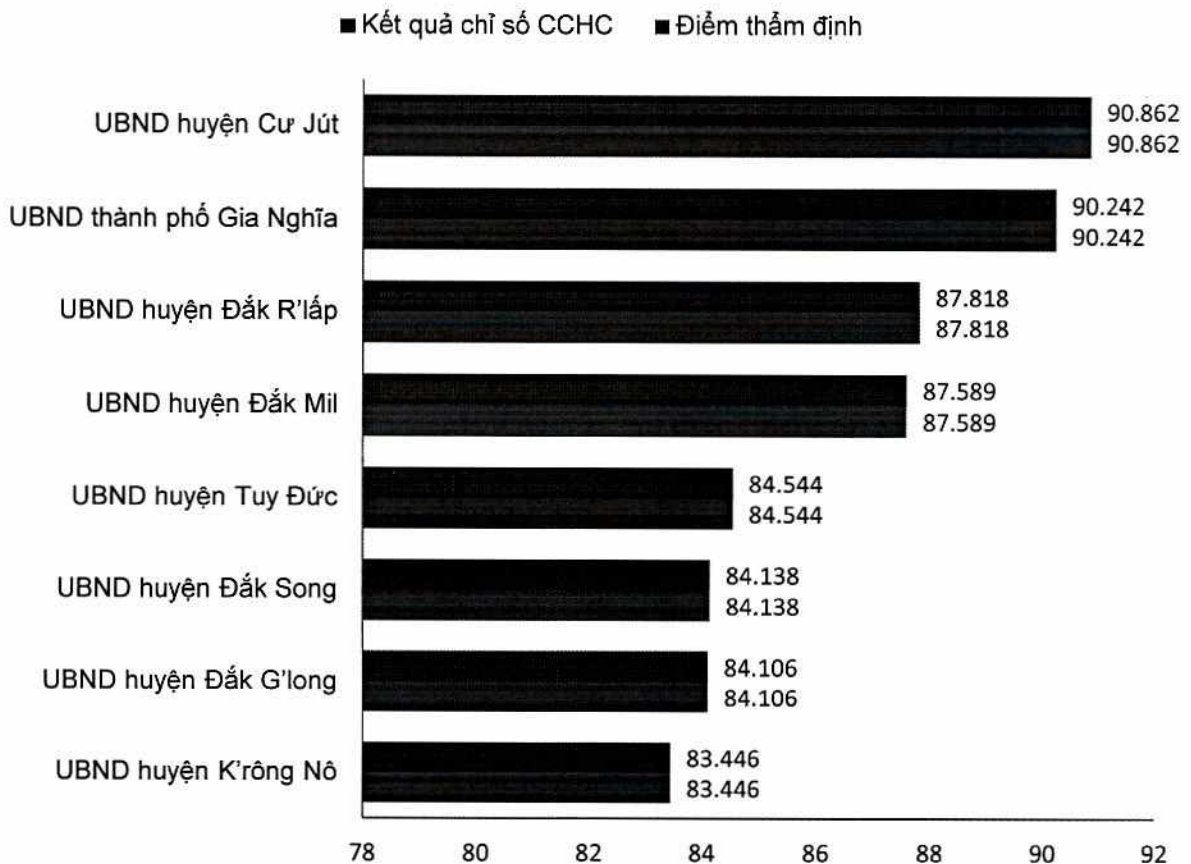


Biểu đồ 01: Kết quả Chỉ số CCHC của các đơn vị cấp tỉnh năm 2020

2. Kết quả Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện

Kết quả đánh giá tổng hợp, Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện có giá trị trung bình đạt 86.59%, cao hơn năm 2019 là 3,13% (Năm 2019 đạt 83.46%), các huyện, thành phố có kết quả Chỉ số CCHC nằm trong nhóm tương đối cao (Chỉ số CCHC đạt từ 80% đến dưới 95%), cụ thể:

Xếp hạng	Cấp huyện	Điểm thẩm định	Chỉ số CCHC
1	UBND huyện Cư Jút	90.86	90.862
2	UBND thành phố Gia Nghĩa	90.24	90.242
3	UBND huyện Đắk R'lấp	87.82	87.818
4	UBND huyện Đắk Mil	87.59	87.589
5	UBND huyện Tuy Đức	84.54	84.544
6	UBND huyện Đắk Song	84.14	84.138
7	UBND huyện Đắk G'long	84.11	84.106
8	UBND huyện K'rong Nô	83.45	83.446
	Giá trị trung bình	86.59	86.59



Biểu đồ 02: Kết quả Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện năm 2020

3. Giá trị trung bình Chỉ số CCHC năm 2020 so với năm 2019

Giá trị trung bình Chỉ số CCHC năm 2020 của toàn tỉnh là: 89.33%, cao hơn năm 2019 là 3.41% (Năm 2019 đạt 85.92%), cụ thể:

TT	Cơ quan, đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Giá trị tăng/giảm
I	Các đơn vị cấp tỉnh			
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh	92.49	95.9	(+) 3.41
2	Sở Tư pháp	94.5	94.5	0
3	Sở Nội vụ	90.99	94	(+) 3.01
4	Thanh tra tỉnh	88.55	93	(+) 4.45
5	Văn phòng UBND tỉnh	90.70	92.82	(+) 2.12
6	Sở Thông tin và Truyền thông	81.00	92.36	(+) 11.36
7	Sở Giao thông vận tải	83.10	92.11	(+) 9.01
8	Sở Tài chính	89.00	91.38	(+) 2.38
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	88.50	90.95	(+) 2.45
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	87.31	90.64	(+) 3.33
11	Sở Khoa học và Công nghệ	80.33	90.5	(+) 10.17
12	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	85.21	90.5	(+) 5.29
13	Cục Thuế tỉnh	87	90.49	(+) 3.49
14	Kho Bạc Nhà nước tỉnh	92.30	90.31	(-) 1.99
15	Sở Công Thương	91.25	89.7	(-) 1.55
16	Ban Dân tộc	78.00	88.97	(+) 10.97
17	Sở Kế hoạch và Đầu tư	90.75	88.75	(-) 2.00
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	83.50	86.95	(+) 3.45
19	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	88.28	86.84	(-) 1.44
20	Sở Xây dựng	81.30	86.66	(+) 5.36
21	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	88.46	85.7	(-) 2.76
22	Sở Y tế	77.47	84.12	(+) 6.65
	Giá trị trung bình	86.22	90.32	(+) 4.10
II	Các đơn vị cấp huyện			
1	UBND huyện Cư Jút	90.76	90.86	(+) 0.1
2	UBND thành phố Gia Nghĩa	87.50	90.24	(+) 2.74
3	UBND huyện Đắk R'lấp	87.78	87.82	(+) 0.04
4	UBND huyện Đắk Mil	83.37	87.59	(+) 4.22
5	UBND huyện Tuy Đức	69.70	84.54	(+) 14.84
6	UBND huyện Đắk Song	82.70	84.14	(+) 1.44
7	UBND huyện Đắk G'long	81.10	84.11	(+) 3.01
8	UBND huyện K'rong Nô	84.79	83.45	(-) 1.34
	Giá trị trung bình	83.46	86.59	(+) 3.13
	Giá trị trung bình (I) và (II)	85.92	89.33	(+) 3.41

IV. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM CHỈ SỐ CCHC THEO TỪNG CHỈ SỐ THÀNH PHẦN

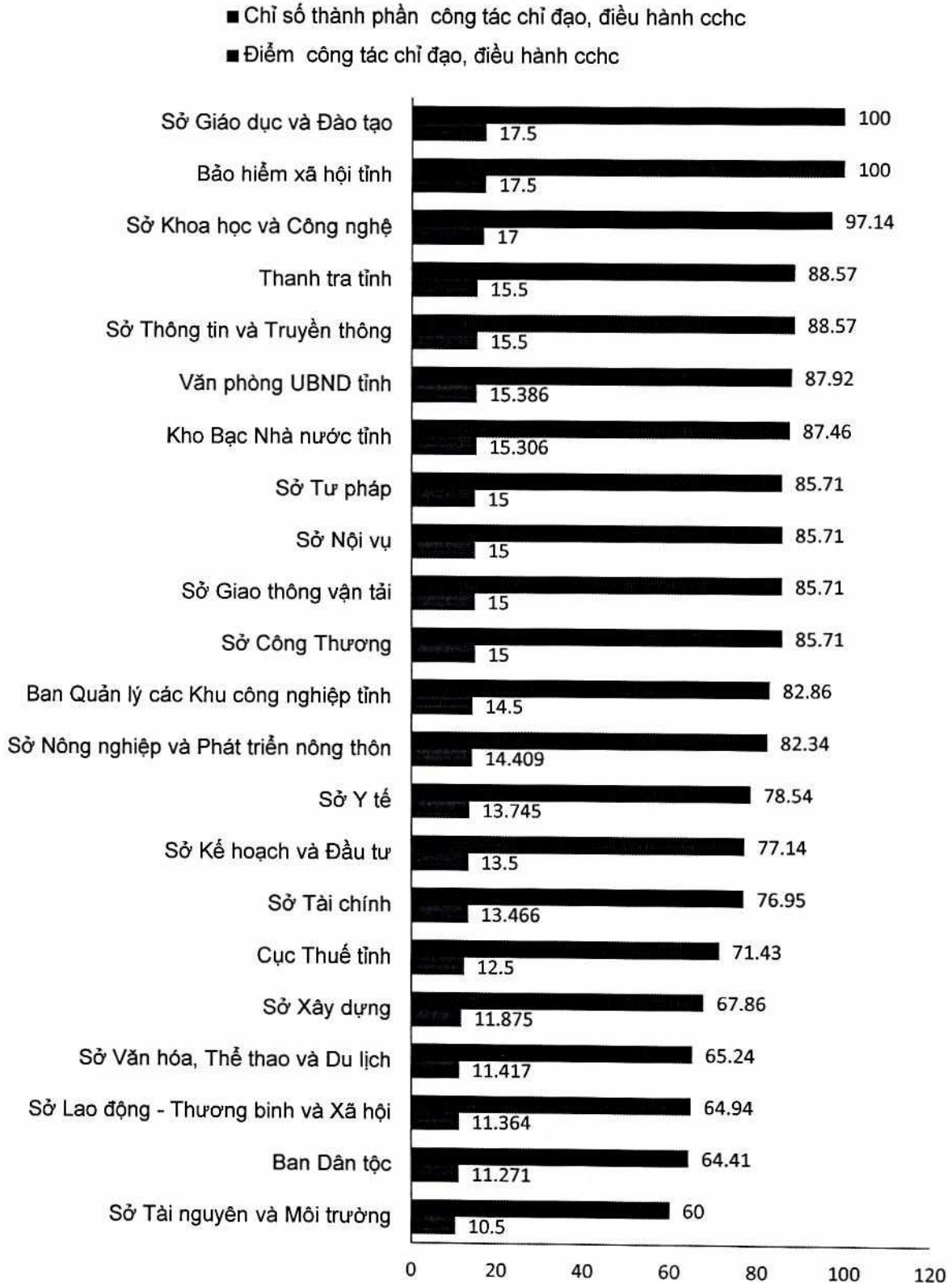
1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

1.1. Các đơn vị cấp tỉnh

Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo điều hành CCHC của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được xác định dựa trên 05 tiêu chí gồm: (1) Kế hoạch CCHC; (2) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo CCHC; (3) Công tác tuyên truyền CCHC; (4) Sự năng động trong công tác CCHC; (5) Sáng kiến giải pháp mới trong công tác CCHC. Điểm chấm tối đa của Chỉ số thành phần này là 17.5 điểm, kết quả cụ thể:

Xếp hạng	Cấp tỉnh	Điểm công tác chỉ đạo, điều hành cchc (tối đa 17.5 điểm)	Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành cchc(%)
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	17.5	100
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh	17.5	100
2	Sở Khoa học và Công nghệ	17	97.14
3	Thanh tra tỉnh	15.5	88.57
3	Sở Thông tin và Truyền thông	15.5	88.57
6	Văn phòng UBND tỉnh	15.386	87.92
7	Kho Bạc Nhà nước tỉnh	15.306	87.46
6	Sở Tư pháp	15	85.71
6	Sở Nội vụ	15	85.71
6	Sở Giao thông vận tải	15	85.71
6	Sở Công Thương	15	85.71
7	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	14.5	82.86
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	14.409	82.34
9	Sở Y tế	13.745	78.54
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13.5	77.14
11	Sở Tài chính	13.466	76.95
12	Cục Thuế tỉnh	12.5	71.43
13	Sở Xây dựng	11.875	67.86
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	11.417	65.24
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	11.364	64.94

16	Ban Dân tộc	11.271	64.41
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	10.5	60
	Giá trị trung bình	14.19	81.1

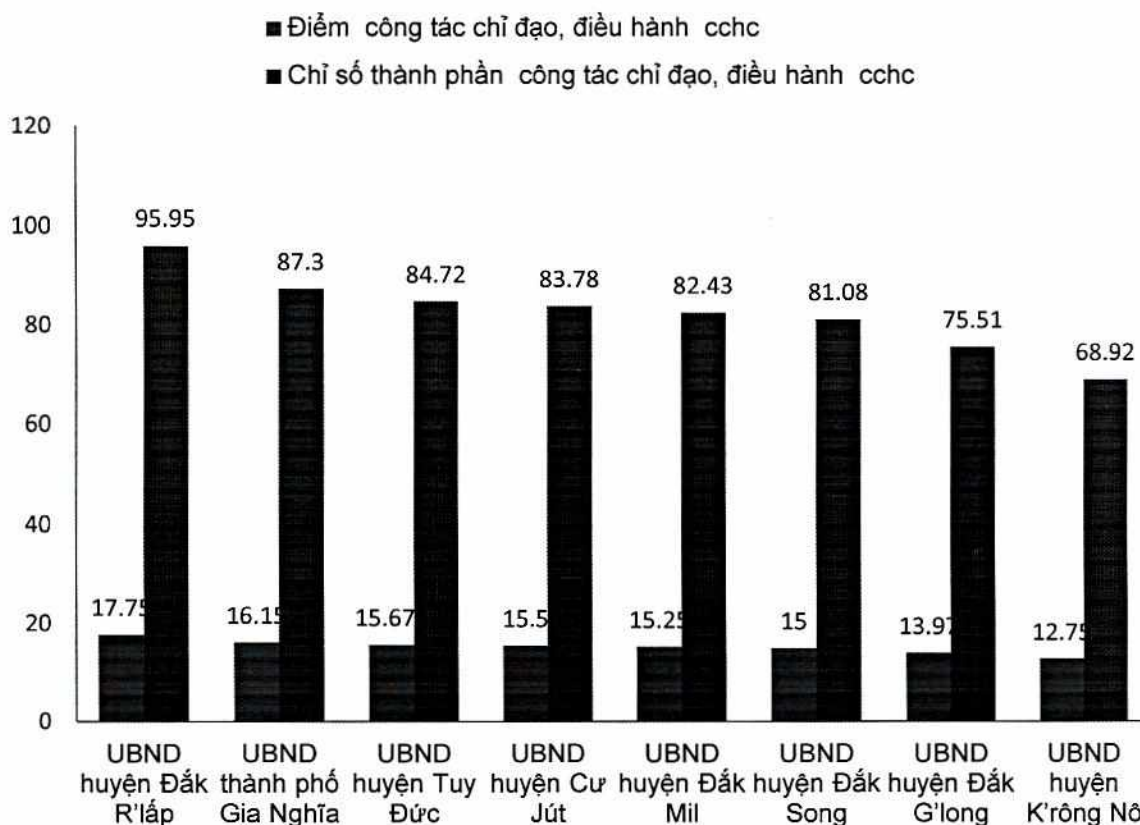


Biểu đồ 03: Chỉ số công tác chỉ đạo điều hành CCHC các đơn vị cấp tỉnh năm 2020

1.2. UBND cấp huyện

Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo điều hành CCHC của cấp huyện ngoài 05 Tiêu chí tại Bộ tiêu chí cấp tỉnh có thêm tiêu chí công tác kiểm tra CCHC. Điểm chấm tối đa của Chỉ số thành phần là 18.5 điểm, kết quả cụ thể:

Xếp hạng	Cấp huyện	Điểm công tác chỉ đạo, điều hành cchc (tối đa 18.5 điểm)	Chỉ số thành phần công tác chỉ đạo, điều hành cchc(%)
1	UBND huyện Đắk R'lấp	17.75	95.95
2	UBND thành phố Gia Nghĩa	16.15	87.3
3	UBND huyện Tuy Đức	15.674	84.72
4	UBND huyện Cư Jút	15.5	83.78
5	UBND huyện Đắk Mil	15.25	82.43
6	UBND huyện Đắk Song	15	81.08
7	UBND huyện Đắk G'long	13.97	75.51
8	UBND huyện K'rong Nô	12.75	68.92
	Giá trị trung bình	15.26	82.46



Biểu đồ 04: Chỉ số công tác chỉ đạo điều hành CCHC UBND cấp huyện năm 2020

1.3. Đánh giá chung

Qua kết quả đánh giá cho thấy hầu hết các đơn vị đã có sự quan tâm chỉ đạo sâu sát đến công tác CCHC. Những đơn vị đạt điểm cao tại Chỉ số thành phần này đều ban hành Kế hoạch CCHC đảm bảo chất lượng, kịp thời; ban hành đầy đủ văn bản triển khai các kế hoạch về CCHC của UBND tỉnh, thực hiện tốt công tác tuyên truyền CCHC, thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ; ban hành kế hoạch, thực hiện kiểm tra và xử lý kết quả sau kiểm tra CCHC tại cơ quan, đơn vị theo đúng quy định. Bộ tiêu chí chấm điểm năm 2020 có đưa vào Tiêu chí thành phần mới là “*Tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải thiện Chỉ số CCHC đã công bố*”, qua theo dõi cho thấy hầu hết các đơn vị đã thực hiện tốt nội dung này.

Bên cạnh đó, có một số đơn vị đạt điểm thấp ở Chỉ số thành phần này do một số nguyên nhân như: Thực hiện chế độ thông tin báo cáo chậm; nội dung báo cáo định kỳ còn sơ sài, không bám sát các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch CCHC, chưa đánh giá được tỷ lệ % hoàn thành nhiệm vụ (*các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội; Nông nghiệp và PTNT; Y tế UBND huyện Đắk Glong*). Công tác tuyên truyền CCHC chủ yếu mới được chú trọng ở hình thức tuyên truyền các văn bản liên quan CCHC tại các cuộc họp định kỳ, số lượng tin/bài CCHC trên Trang thông tin điện tử còn hạn chế, đặc biệt rất ít đơn vị thực hiện tuyên truyền bằng các hình thức như tập huấn, tọa đàm, panô, áp phích,... Chưa có báo cáo cụ thể về xử lý vấn đề phát hiện sau kiểm tra CCHC (*UBND huyện Krông Nô*). Việc ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác CCHC tại một số đơn vị chưa đầy đủ.

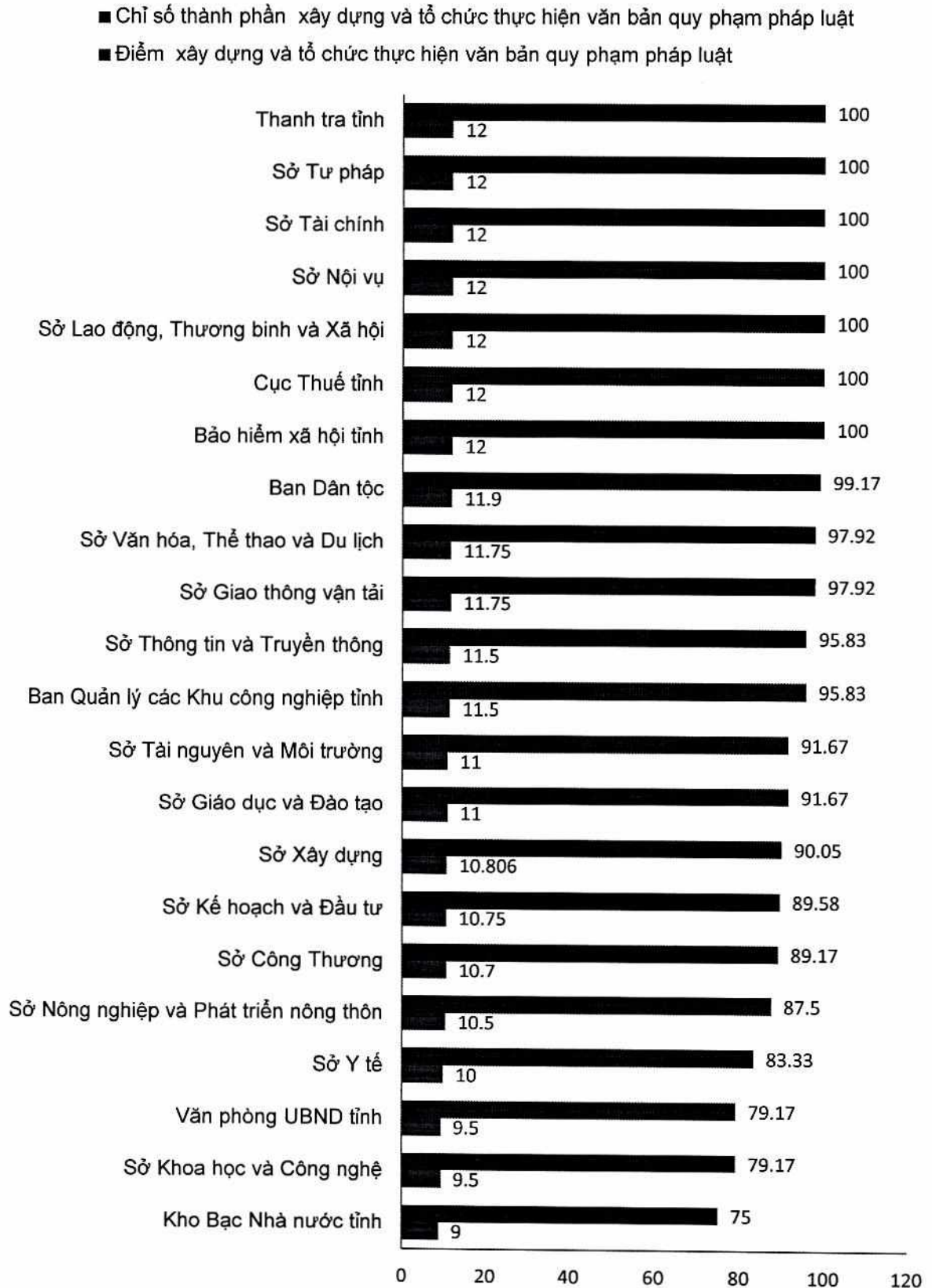
Đặc biệt, Tiêu chí về “*Sáng kiến giải pháp mới trong công tác CCHC trong năm*” chỉ có rất ít đơn vị có sáng kiến áp dụng tại nội bộ cơ quan mang lại hiệu quả được Hội đồng thẩm định ghi nhận, khuyến khích chấm điểm; hầu hết các đơn vị không có sáng kiến, giải pháp hay về CCHC. Qua đó cho thấy tại các đơn vị vẫn chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo, khuyến khích để cán bộ, công chức, viên chức có khả năng, cơ hội đưa ra những sáng kiến, giải pháp hay từ thực tiễn công tác nhằm đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu suất công việc, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

2.1. Các đơn vị cấp tỉnh

Các tiêu chí đánh giá công tác xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL gồm: (1) Xây dựng văn bản QPPL trong năm; (2) Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL); (3) Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; (4) Kiểm tra, xử lý văn bản QPPL. Điểm tối đa của Chỉ số thành phần này là 12 điểm, kết quả cụ thể:

Xếp hạng	Cấp tỉnh	Điểm xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (tối đa 12 điểm)	Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật(%)
1	Thanh tra tỉnh	12	100
1	Sở Tư pháp	12	100
1	Sở Tài chính	12	100
1	Sở Nội vụ	12	100
1	Sở Lao động -Thương binh và Xã hội	12	100
1	Cục Thuế tỉnh	12	100
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh	12	100
2	Ban Dân tộc	11.9	99.17
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	11.75	97.92
3	Sở Giao thông vận tải	11.75	97.92
4	Sở Thông tin và Truyền thông	11.5	95.83
4	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	11.5	95.83
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	11	91.67
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	11	91.67
6	Sở Xây dựng	10.806	90.05
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10.75	89.58
8	Sở Công Thương	10.7	89.17
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	10.5	87.5
10	Sở Y tế	10	83.33
11	Văn phòng UBND tỉnh	9.5	79.17
11	Sở Khoa học và Công nghệ	9.5	79.17
12	Kho Bạc Nhà nước tỉnh	9	75
	Giá trị trung bình	11.14	92.86



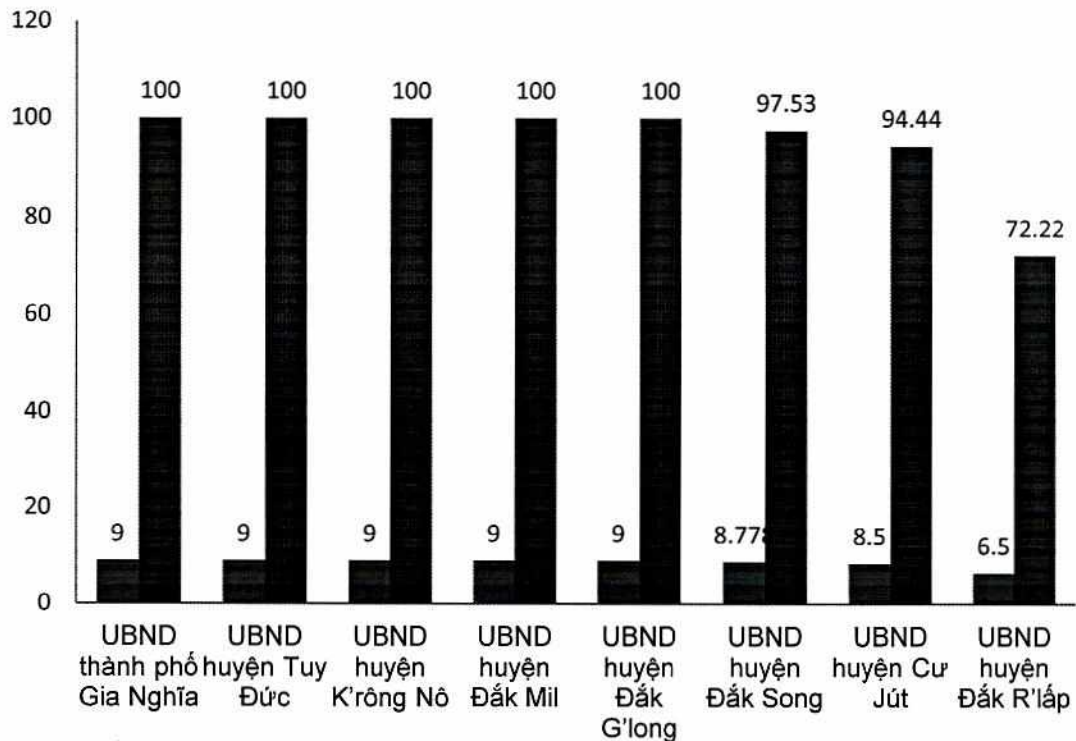
Biểu đồ 05: Chỉ số xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL các đơn vị cấp tỉnh năm 2020

2.2. UBND cấp huyện

Nội dung các tiêu chí đánh giá của Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL của UBND cấp huyện giống các tiêu chí đánh giá của các đơn vị cấp tỉnh. Điểm tối đa của Chỉ số thành phần này là 09 điểm, cụ thể:

Xếp hạng	Cấp huyện	Điểm xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (tối đa 9 điểm)	Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật(%)
1	UBND thành phố Gia Nghĩa	9	100
1	UBND huyện Tuy Đức	9	100
1	UBND huyện K'ông Nô	9	100
1	UBND huyện Đắk Mil	9	100
1	UBND huyện Đắk G'long	9	100
2	UBND huyện Đắk Song	8.778	97.53
3	UBND huyện Cư Jút	8.5	94.44
4	UBND huyện Đắk R'lấp	6.5	72.22
	Giá trị trung bình	8.6	95.52

- Điểm xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật
- Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật



Biểu đồ 06: Chỉ số Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL UBND cấp huyện năm 2020

2.4. Đánh giá chung

Qua theo dõi, đánh giá cho thấy hầu hết các đơn vị đã thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung liên quan đến cải cách thể chế. Việc xây dựng, ban hành các văn bản QPPL liên quan đến trách nhiệm các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện được chú trọng triển khai kịp thời, đúng quy trình, phù hợp thực tế. Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện đều ban hành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL) theo lĩnh vực, địa bàn phụ trách; kịp thời tham mưu xử lý vấn đề được phát hiện trong quá trình TDTHPL. Về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, trên cơ sở các Kế hoạch của UBND tỉnh, các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện bám sát nội dung Kế hoạch, triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; tham mưu xử lý những văn bản không còn phù hợp.

Bên cạnh đó, một số đơn vị bị trừ điểm tại lĩnh vực này do một số nguyên nhân như: Cập nhật, thể chế hóa văn bản QPPL của Trung ương không kịp thời (*các Sở: Công thương, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Y tế*). Ban hành kế hoạch TDTHPL nội dung chưa đầy đủ, không thực hiện báo cáo TDTHPL theo quy định (*các Sở: Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh, Y tế*). Không thực hiện rà soát, kiểm tra hoặc không báo cáo công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL đầy đủ theo quy định (*các Sở: Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, UBND các huyện: Đắk R'lấp, Cư Jút*).

3. Cải cách TTHC

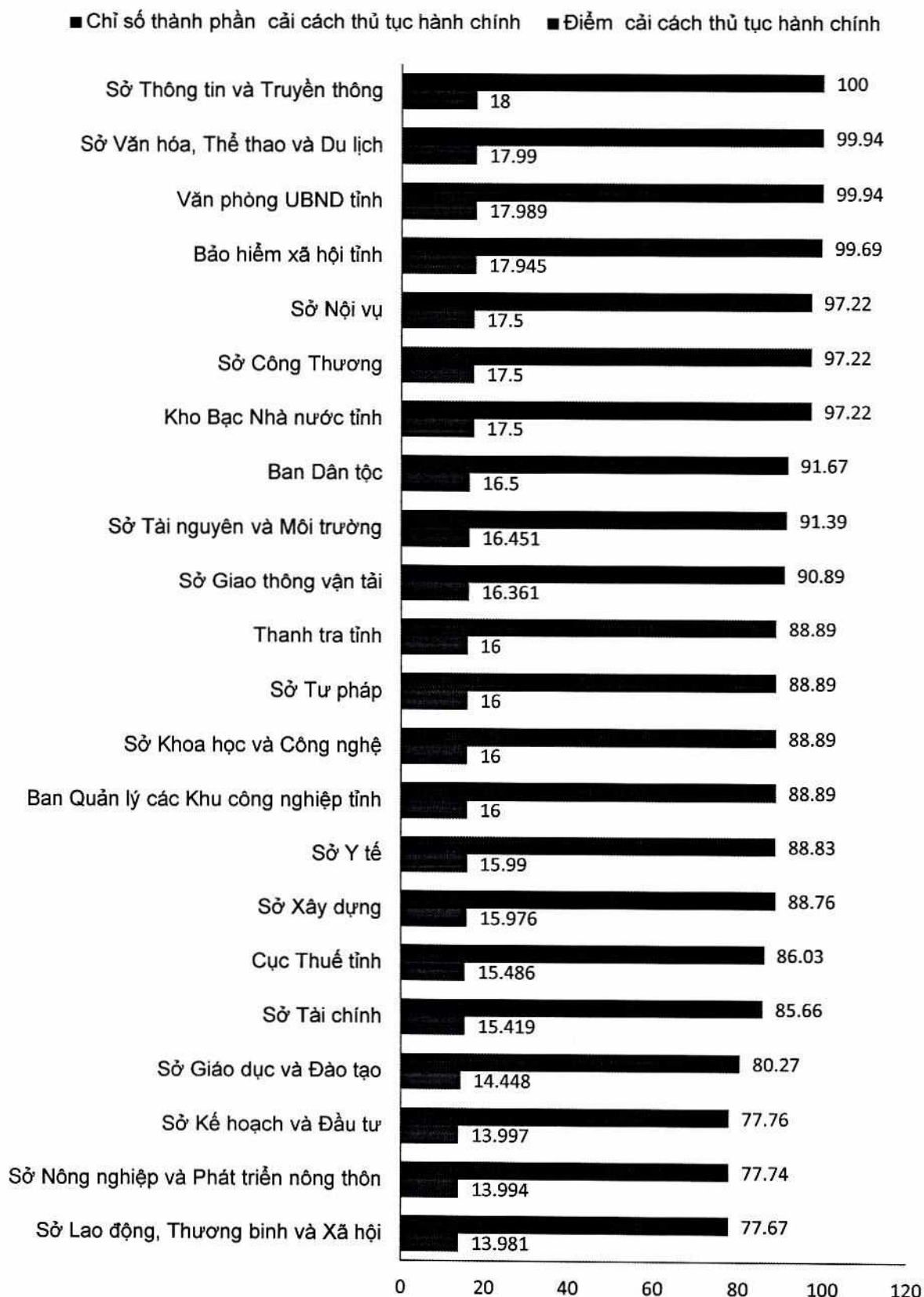
3.1. Các đơn vị cấp tỉnh

Chỉ số thành phần công tác cải cách TTHC của các cơ quan cấp tỉnh được xác định dựa trên 07 tiêu chí gồm: (1) Kiểm soát quy định của TTHC; (2) Rà soát, đơn giản hóa TTHC; (3) Công bố, công khai TTHC; (4) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; (5) Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; (6) Thực hiện việc xin lỗi bằng văn bản trong việc giải quyết hồ sơ trễ hạn; (7) Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC.

Điểm số tối đa của Chỉ số thành phần này là 18 điểm, kết quả cụ thể:

Xếp hạng	Cấp tỉnh	Điểm cải cách thủ tục hành chính (tối đa 18 điểm)	Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính(%)
1	Sở Thông tin và Truyền thông	18	100
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	17.99	99.94

3	Văn phòng UBND tỉnh	17.989	99.94
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh	17.945	99.69
5	Sở Nội vụ	17.5	97.22
5	Sở Công Thương	17.5	97.22
5	Kho Bạc Nhà nước tỉnh	17.5	97.22
6	Ban Dân tộc	16.5	91.67
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	16.451	91.39
8	Sở Giao thông vận tải	16.361	90.89
9	Thanh tra tỉnh	16	88.89
9	Sở Tư pháp	16	88.89
9	Sở Khoa học và Công nghệ	16	88.89
9	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	16	88.89
10	Sở Y tế	15.99	88.83
11	Sở Xây dựng	15.976	88.76
12	Cục Thuế tỉnh	15.486	86.03
13	Sở Tài chính	15.419	85.66
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	14.448	80.27
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13.997	77.76
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	13.994	77.74
17	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	13.981	77.67
	Giá trị trung bình	16.23	90.16



Biểu đồ 07: Chỉ số Cải cách TTHC các đơn vị cấp tỉnh năm 2020

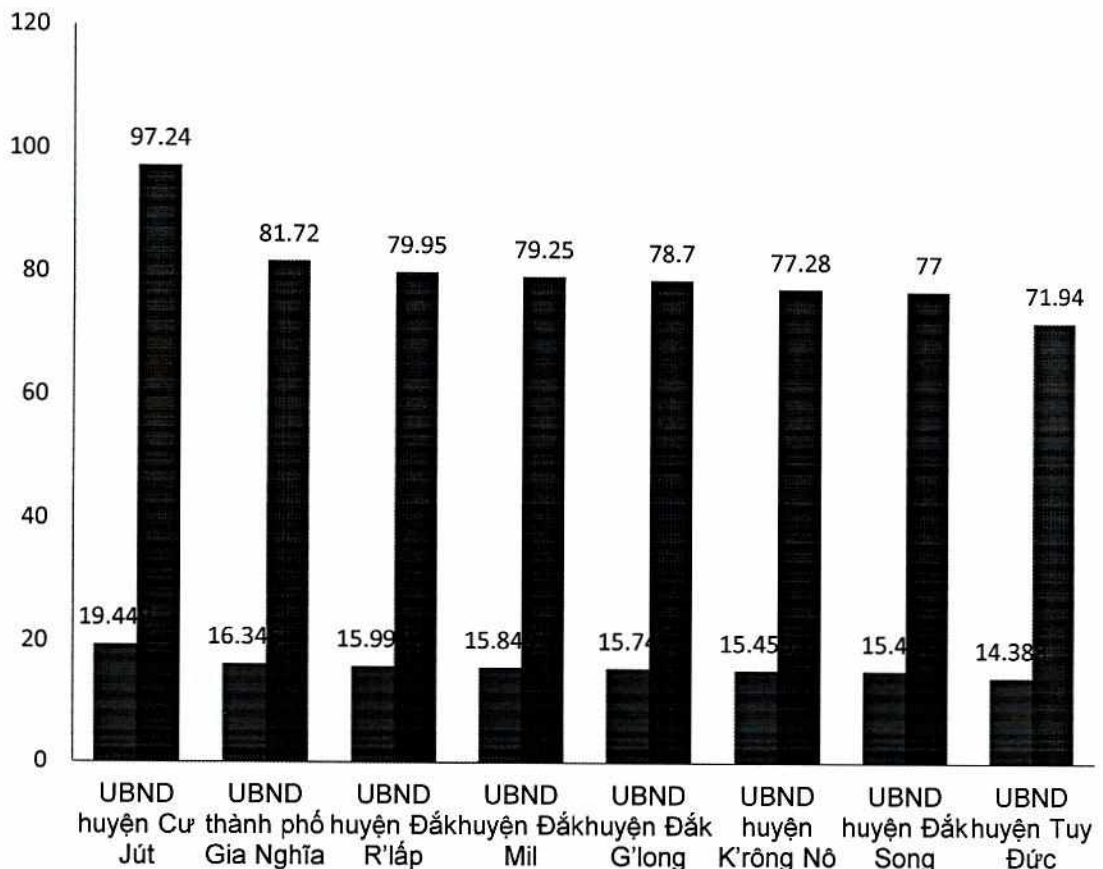
3.2. UBND cấp huyện

Chỉ số thành phần về cải cách TTHC cấp huyện ngoài các nội dung đánh giá của cấp tỉnh còn bổ sung nội dung đánh giá của cấp xã gồm: Việc thực hiện

quy trình một cửa, một cửa liên thông, kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã. Điểm số tối đa của Chỉ số thành phần này là 20 điểm, kết quả cụ thể:

Xếp hạng	Cấp huyện	Điểm cải cách thủ tục hành chính (tối đa 20 điểm)	Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính(%)
1	UBND huyện Cư Jút	19.449	97.24
2	UBND thành phố Gia Nghĩa	16.345	81.72
3	UBND huyện Đắk R'lấp	15.991	79.95
4	UBND huyện Đắk Mil	15.849	79.25
5	UBND huyện Đắk G'long	15.74	78.7
6	UBND huyện K'rong Nô	15.455	77.28
7	UBND huyện Đắk Song	15.4	77
8	UBND huyện Tuy Đức	14.388	71.94
	Giá trị trung bình	16.08	80.39

■ Điểm cải cách thủ tục hành chính ■ Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính



Biểu đồ 08: Chỉ số Cải cách TTHC UBND cấp huyện năm 2020

3.3. Đánh giá chung

Năm 2020, công tác cải cách TTHC tiếp tục được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo quyết liệt và thường xuyên. Qua theo dõi, đánh giá cho thấy tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện khá tốt. Các cơ quan, đơn vị đã tham mưu UBND tỉnh: Ban hành 29 Quyết định công bố Danh mục TTHC với tổng số 258 TTHC mới ban hành/sửa đổi, bổ sung/thay thế (*có 70 TTHC mới ban hành/170 TTHC sửa đổi, bổ sung/18 TTHC thay thế*) và 34 TTHC bãi bỏ. Các TTHC được niêm yết, công khai tại Bộ phận Một cửa và cập nhật, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, trang Thông tin điện tử của các đơn vị; 11 Quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ TTHC thực hiện tại Cổng Dịch vụ công tỉnh và cập nhật trên Cổng Dịch vụ công tỉnh; Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 phê duyệt Danh mục TTHC ưu tiên tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh (*đối với 145 TTHC*). Tổ chức rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh và ban hành Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 về việc thông qua Phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh và kiến nghị các Bộ, ngành đơn giản hóa TTHC (*đối với 11 TTHC*).

Công tác niêm yết, công khai TTHC; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của tổ chức, cá nhân đáp ứng được yêu cầu; việc giải quyết TTHC cơ bản đáp ứng được thời gian theo quy định; trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ được quán triệt thường xuyên; mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân trong tiếp nhận và giải quyết TTHC tăng lên đáng kể.

Bên cạnh đó, một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tốt các nhiệm vụ liên quan dẫn đến bị trừ điểm tại Chỉ số thành phần này. Nguyên nhân bị trừ điểm gồm: Không cập nhật kịp thời kết quả giải quyết TTHC lên Phần mềm một cửa điện tử (*UBND huyện Đắk Mil, Đắk Song, Tuy Đức*); Không thực hiện xin lỗi đối với TTHC bị trễ hẹn (*các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Đắk Song, Đắk Mil*); Không thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC, không có số liệu về mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức về kết quả giải quyết TTHC hoặc chưa công khai kết quả đánh giá chất lượng giải quyết TTHC trên Trang TTĐT của đơn vị (*các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Nông nghiệp và PTNT, Khoa học và Công nghệ; Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra tỉnh, UBND huyện Đắk Mil*).

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước

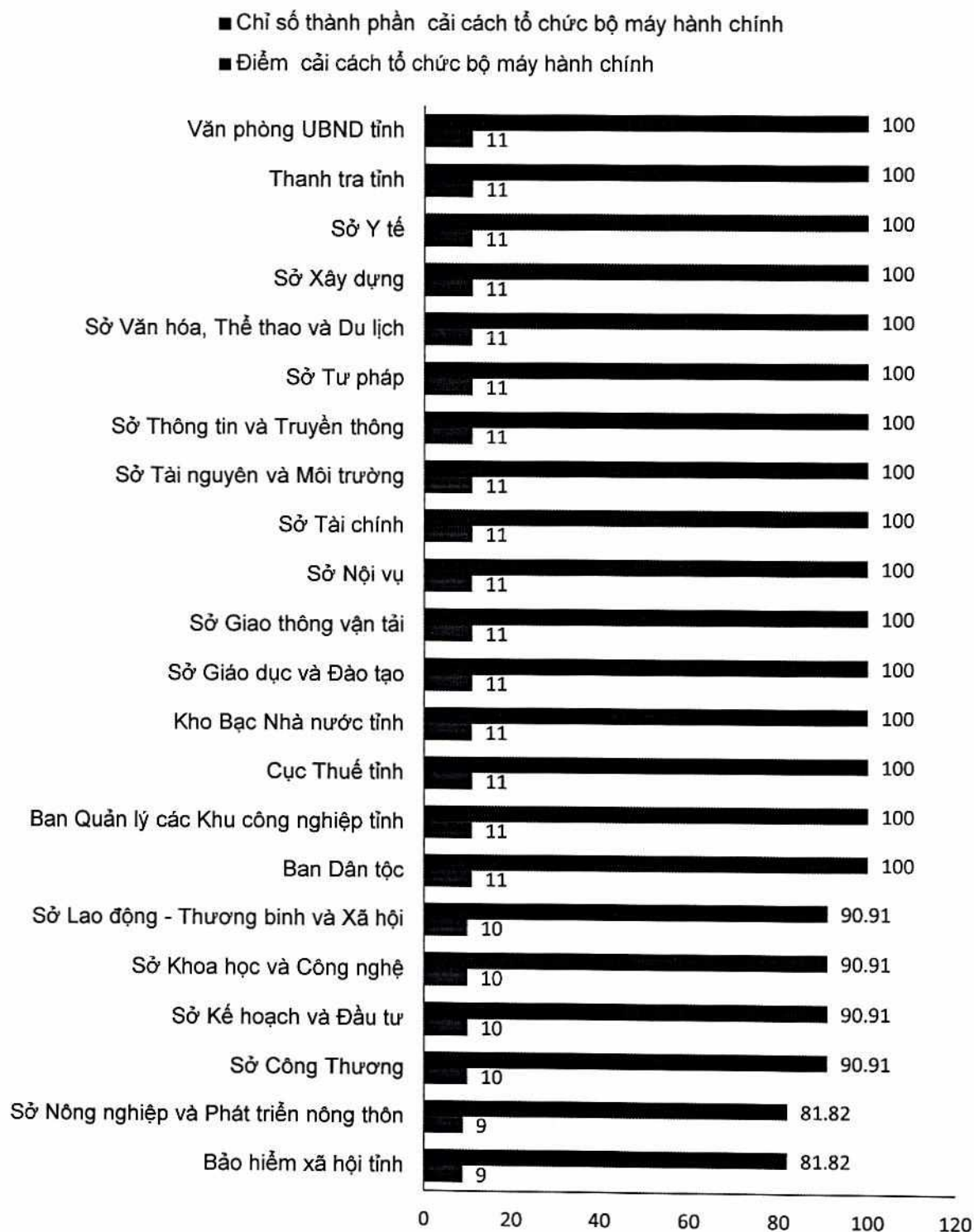
4.1. Các đơn vị cấp tỉnh

Chỉ số thành phần công tác cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được xác định dựa trên 5 Tiêu chí gồm: (1) Thực hiện quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy; (2) Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được UBND tỉnh giao; (3) Đánh giá về việc thực hiện Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị theo quy định; (4) Tỷ lệ các phòng chuyên

môn, đơn vị trực thuộc ban hành thông báo phân công nhiệm vụ; (5) Tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị theo đúng quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ và Thông tư số 01/2016/TT-BNV ngày 13/01/2016 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định số 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Điểm số tối đa của Chỉ số thành phần này là 11 điểm, kết quả cụ thể:

Xếp hạng	Cấp tỉnh	Điểm cải cách tổ chức bộ máy hành chính (tối đa 11 điểm)	Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy hành chính(%)
1	Văn phòng UBND tỉnh	11	100
1	Thanh tra tỉnh	11	100
1	Sở Y tế	11	100
1	Sở Xây dựng	11	100
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	11	100
1	Sở Tư pháp	11	100
1	Sở Thông tin và Truyền thông	11	100
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	11	100
1	Sở Tài chính	11	100
1	Sở Nội vụ	11	100
1	Sở Giao thông vận tải	11	100
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	11	100
1	Kho Bạc Nhà nước tỉnh	11	100
1	Cục Thuế tỉnh	11	100
1	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	11	100
1	Ban Dân tộc	11	100
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	10	90.91
2	Sở Khoa học và Công nghệ	10	90.91
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10	90.91
2	Sở Công Thương	10	90.91

3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	9	81.82
3	Bảo hiểm xã hội tỉnh	9	81.82
	Giá trị trung bình	10.64	96.69

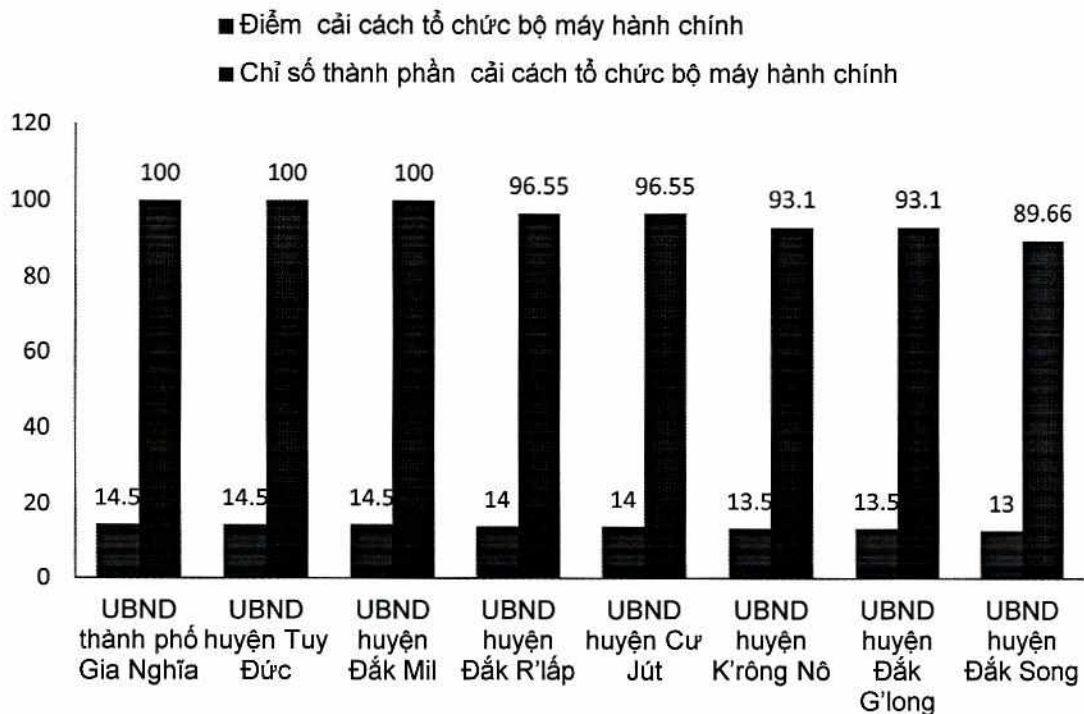


Biểu đồ 09: Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước của các đơn vị cấp tỉnh năm 2020

4.2. UBND cấp huyện

Chỉ số thành phần về cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước cấp huyện ngoài các tiêu chí đánh giá của cấp tỉnh còn bổ sung các tiêu chí đánh giá gồm: (1) Thực hiện phân cấp quản lý; (2) UBND cấp xã tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với nhân dân trên địa bàn. Điểm tối đa chấm của Chỉ số thành phần này là 14.5 điểm, kết quả cụ thể:

Xếp hạng	Cấp huyện	Điểm cải cách tổ chức bộ máy hành chính (tối đa 14.5 điểm)	Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy hành chính(%)
1	UBND thành phố Gia Nghĩa	14.5	100
1	UBND huyện Tuy Đức	14.5	100
1	UBND huyện Đắk Mil	14.5	100
2	UBND huyện Đắk R'lấp	14	96.55
2	UBND huyện Cư Jút	14	96.55
3	UBND huyện K'rông Nô	13.5	93.1
3	UBND huyện Đắk G'long	13.5	93.1
4	UBND huyện Đắk Song	13	89.66
	Giá trị trung bình	13.94	96.12



Biểu đồ 10: Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước UBND cấp huyện năm 2020

4.3. Đánh giá chung

Triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “*về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “*về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập*”; Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 08/3/2018, Chương trình số 30-CTr/TU ngày 22/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh. Đến nay, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thực hiện đúng quy định về tổ chức bộ máy. Sau khi sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, các cơ quan, đơn vị đã nghiêm túc thực hiện đúng quy định về số lượng lãnh đạo tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các phòng, ban cấp huyện. 100% cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập chấp hành tốt việc sử dụng biên chế được Bộ Nội vụ, UBND tỉnh giao.

Một số đơn vị bị trừ điểm tại Chỉ số thành phần này do một số nguyên nhân như: Không thực hiện hoặc cung cấp tài liệu kiểm chứng không phù hợp đối với nội dung thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã được phân cấp; xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra (*UBND huyện Krông Nô, Đắk Glong, Đắk Song*). Không cung cấp đầy đủ tài liệu kiểm chứng tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hoặc tổ chức không đúng thời gian quy định (*các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư*). Tỷ lệ các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc ban hành thông báo phân công nhiệm vụ chưa đạt 100% (*Sở Khoa học và Công nghệ*).

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC

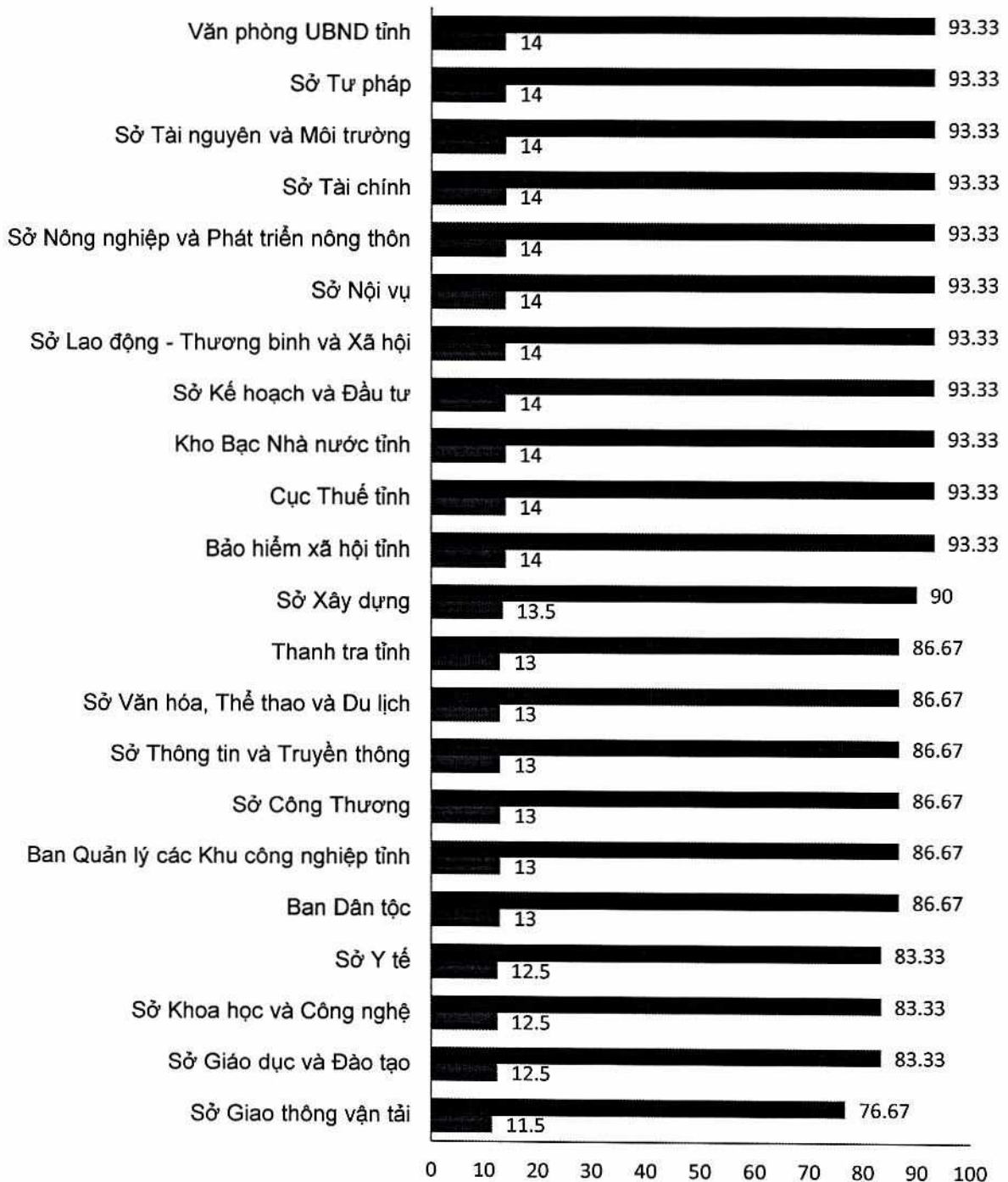
5.1. Các đơn vị cấp tỉnh

Chỉ số thành phần cải cách công vụ, công chức của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được xác định dựa trên 07 Tiêu chí gồm: (1) Xác định cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo vị trí việc làm; (2) Thực hiện quy định bổ nhiệm lãnh đạo các phòng, ban; đơn vị trực thuộc; (3) Thực hiện tuyển dụng viên chức theo đúng quy định; (4) Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức; (5) Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; (6) Đổi mới công tác quản lý CBCCVC; (7) Thực hiện tinh giản biên chế theo kế hoạch của UBND tỉnh. Điểm tối đa cho Chỉ số thành phần này là 15 điểm, kết quả cụ thể:

Xếp hạng	Cấp tỉnh	Điểm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC (tối đa 15 điểm)	Chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC(%)
1	Văn phòng UBND tỉnh	14	93.33

1	Sở Tư pháp	14	93.33
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	14	93.33
1	Sở Tài chính	14	93.33
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	14	93.33
1	Sở Nội vụ	14	93.33
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	14	93.33
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	14	93.33
1	Kho Bạc Nhà nước tỉnh	14	93.33
1	Cục Thuế tỉnh	14	93.33
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh	14	93.33
2	Sở Xây dựng	13.5	90
3	Thanh tra tỉnh	13	86.67
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	13	86.67
3	Sở Thông tin và Truyền thông	13	86.67
3	Sở Công Thương	13	86.67
3	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	13	86.67
3	Ban Dân tộc	13	86.67
4	Sở Y tế	12.5	83.33
4	Sở Khoa học và Công nghệ	12.5	83.33
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	12.5	83.33
5	Sở Giao thông vận tải	11.5	76.67
	Giá trị trung bình	13.39	89.24

- Chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức
- Điểm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức



Biểu đồ 11: Chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCVC của các đơn vị cấp tỉnh năm 2020

5.2. UBND cấp huyện

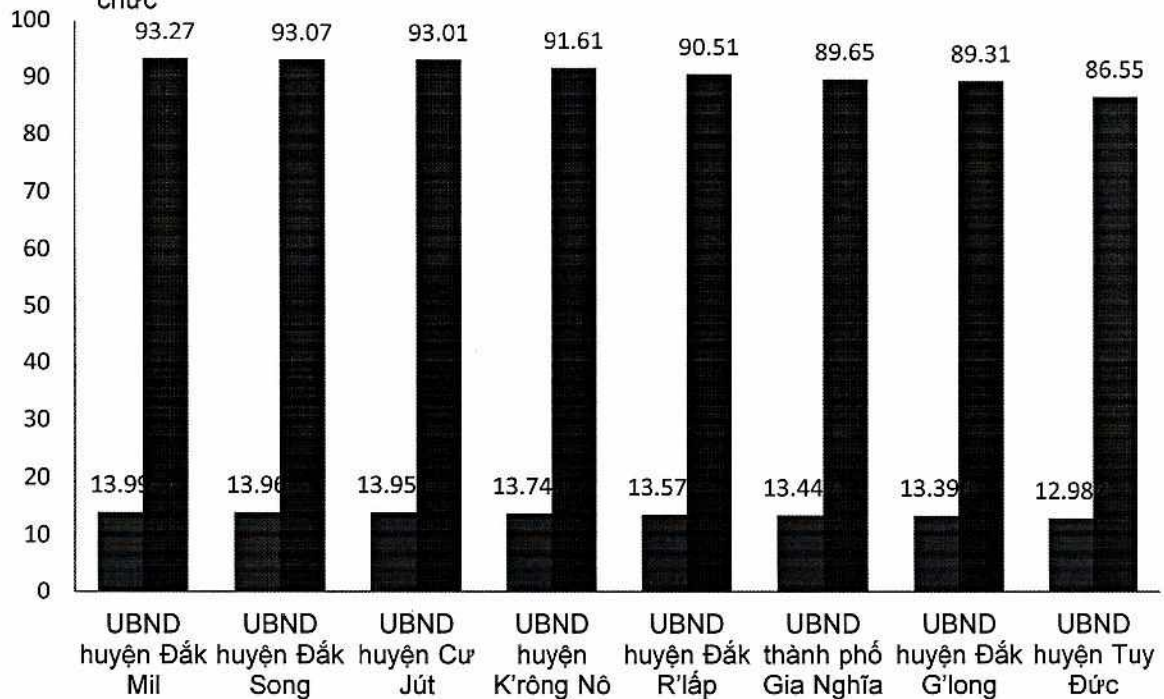
Chỉ số thành phần về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCVC cấp huyện ngoài các tiêu chí đánh giá của cấp tỉnh còn bổ sung các tiêu chí đánh giá gồm: 1- Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức cấp xã; 2- Nâng cao

chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách cấp xã. Điểm tối đa của Chỉ số thành phần này là 15 điểm, kết quả cụ thể:

Xếp hạng	Cấp huyện	Điểm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC (tối đa 15 điểm)	Chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC (%)
1	UBND huyện Đắk Mil	13.99	93.27
2	UBND huyện Đắk Song	13.96	93.07
3	UBND huyện Cư Jút	13.951	93.01
4	UBND huyện K'ông Nô	13.741	91.61
5	UBND huyện Đắk R'lấp	13.577	90.51
6	UBND thành phố Gia Nghĩa	13.447	89.65
7	UBND huyện Đắk G'long	13.396	89.31
8	UBND huyện Tuy Đức	12.982	86.55
	Giá trị trung bình	13.63	90.87

■ Điểm xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

■ Chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức



Biểu đồ 12: Chỉ số xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC UBND cấp huyện năm 2020

5.3. Đánh giá chung

Năm 2020, Bộ tiêu chí chấm điểm bổ sung các tiêu chí thành phần về thực hiện tuyển dụng, thi, xét thăng hạng viên chức, qua theo dõi các cơ quan đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện đều thực hiện đúng quy định. Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần còn lại được đưa vào đánh giá các năm trước đây, do đó hầu hết các đơn vị đã có sự cải thiện tích cực. Đề án xác định vị trí việc làm được triển khai khá đồng bộ, đến nay 100% các cơ quan, đơn vị khởi hành chính đã được phê duyệt danh mục vị trí việc làm. Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, chuyển đổi vị trí công tác; quy hoạch cán bộ, tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch được thực hiện cơ bản đúng theo quy định. Việc thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW bảo đảm đúng nguyên tắc và trình tự các bước thực hiện, số lượng biên chế tinh giản; công tác quản lý, sử dụng biên chế, số lượng cấp phó trong các cơ quan, đơn vị thực hiện đảm bảo theo quy định.

Bên cạnh đó, có một số đơn vị bị trừ điểm tại Chỉ số thành phần này do một số nguyên nhân như: Không ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo định kỳ đối với CBCCVC hoặc không chuyển đổi theo kế hoạch (Thanh tra tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo). Không ban hành kế hoạch, không thực hiện báo cáo kết quả hoặc không hoàn thành 100% nhiệm vụ trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm (Thanh tra tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND huyện Tuy Đức). Tỷ lệ đạt chuẩn của CBCC cấp xã chưa đạt 100% (UBND các huyện, thành phố: Tuy Đức, Đắk Song, Gia Nghĩa).

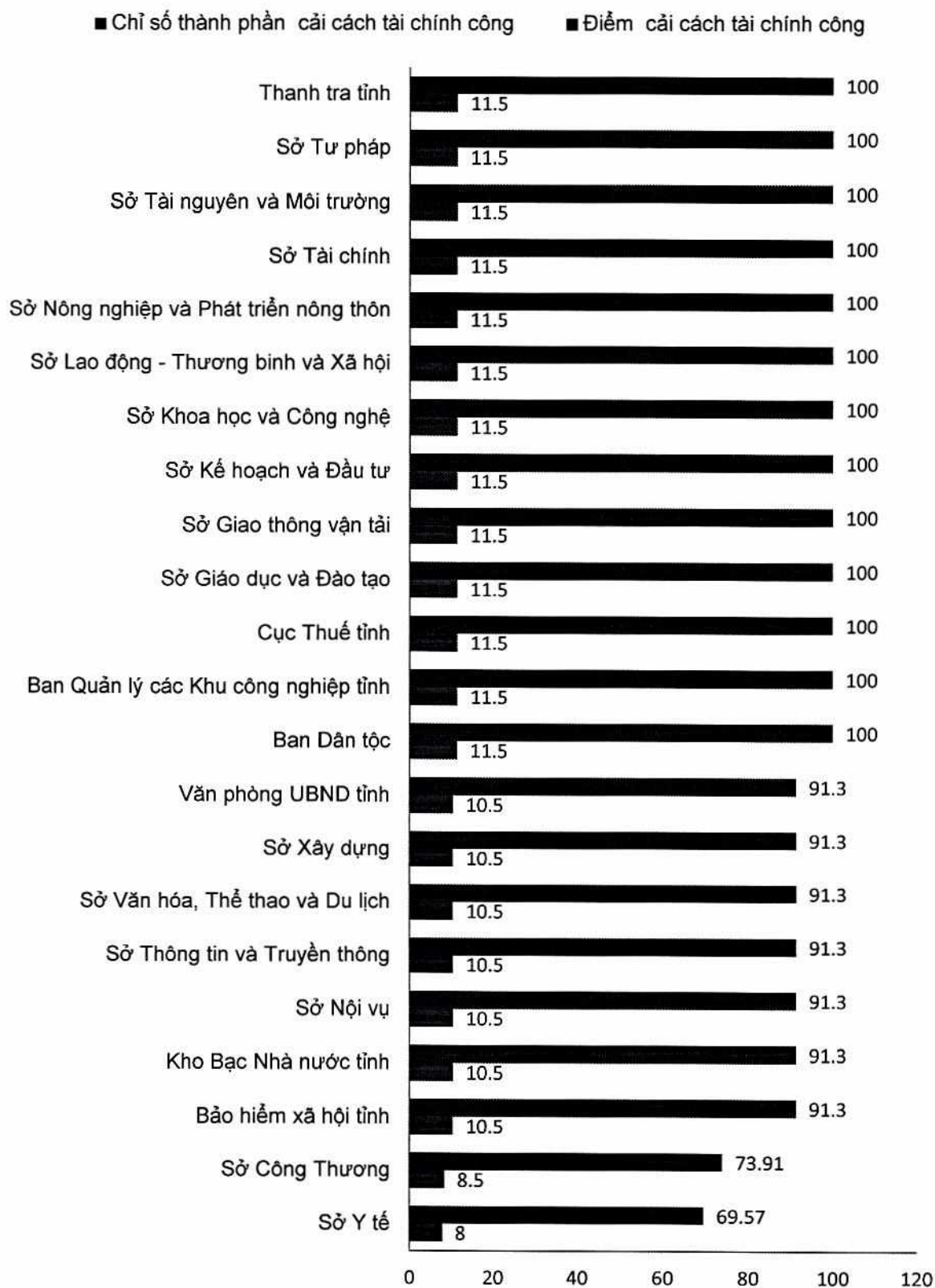
6. Cải cách tài chính công

6.1. Các đơn vị cấp tỉnh

Chỉ số thành phần Cải cách tài chính công của các đơn vị cấp tỉnh được đánh giá dựa trên 04 tiêu chí gồm: (1) Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách; (2) Công tác quản lý, sử dụng tài sản công; (3) Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL); (4) Quản lý, sử dụng vốn đầu tư công. Điểm tối đa của Chỉ số thành phần này là 11.5 điểm, kết quả cụ thể:

Xếp hạng	Cấp tỉnh	Điểm cải cách tài chính công (tối đa 11.5 điểm)	Chỉ số thành phần cải cách tài chính công(%)
1	Thanh tra tỉnh	11.5	100
1	Sở Tư pháp	11.5	100
1	Sở Tài nguyên và Môi trường	11.5	100
1	Sở Tài chính	11.5	100

1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	11.5	100
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	11.5	100
1	Sở Khoa học và Công nghệ	11.5	100
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	11.5	100
1	Sở Giao thông vận tải	11.5	100
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	11.5	100
1	Cục Thuế tỉnh	11.5	100
1	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	11.5	100
1	Ban Dân tộc	11.5	100
2	Văn phòng UBND tỉnh	10.5	91.3
2	Sở Xây dựng	10.5	91.3
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	10.5	91.3
2	Sở Thông tin và Truyền thông	10.5	91.3
2	Sở Nội vụ	10.5	91.3
2	Kho Bạc Nhà nước tỉnh	10.5	91.3
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	10.5	91.3
3	Sở Công Thương	8.5	73.91
4	Sở Y tế	8	69.57
	Giá trị trung bình	10.89	94.66

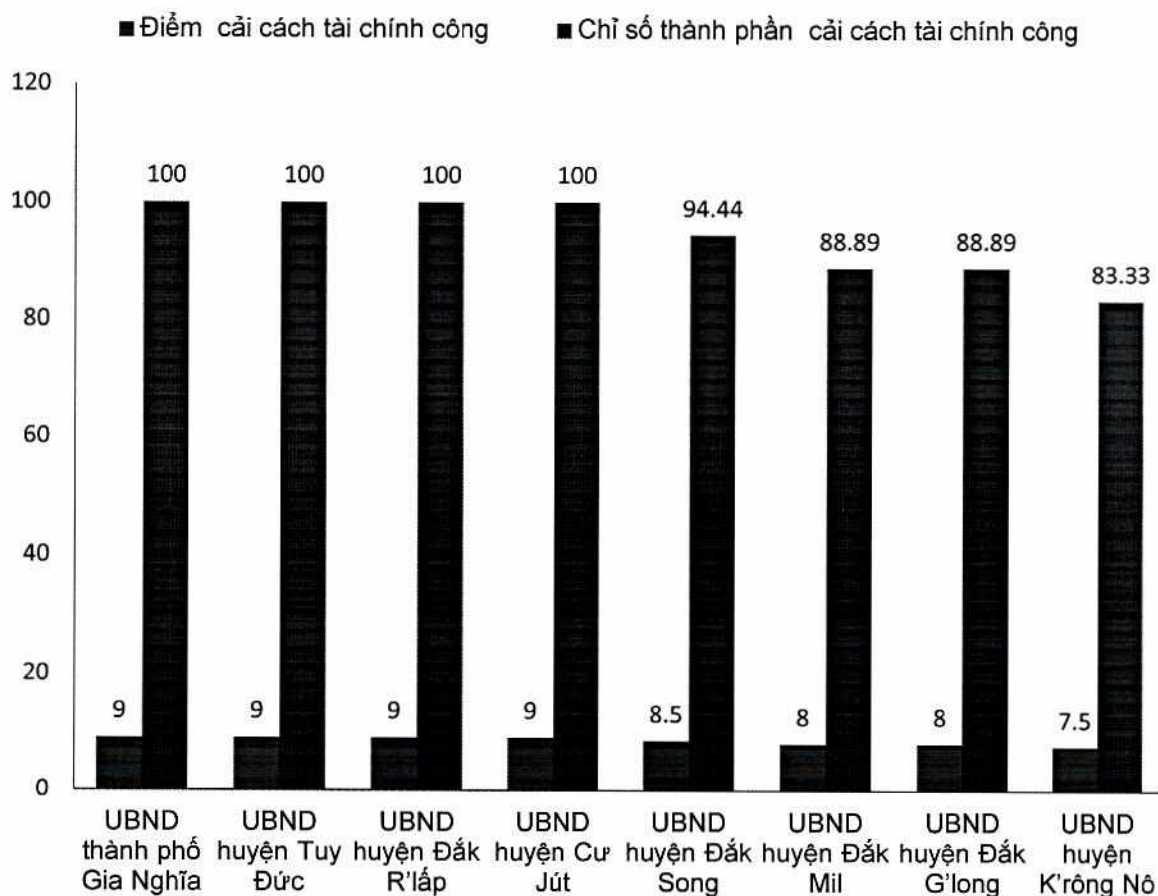


Biểu đồ 13: Chỉ số cải cách tài chính công của các đơn vị cấp tỉnh năm 2020

6.2. UBND cấp huyện

Chỉ số thành phần Cải cách tài chính công của UBND cấp huyện đồng nhất các tiêu chí, tiêu chí thành phần như các đơn vị cấp tỉnh. Điểm tối đa của Chỉ số thành phần này là 09 điểm, kết quả cụ thể:

Xếp hạng	Cấp huyện	Điểm cải cách tài chính công (tối đa 9 điểm)	Chỉ số thành phần cải cách tài chính công(%)
1	UBND thành phố Gia Nghĩa	9	100
1	UBND huyện Tuy Đức	9	100
1	UBND huyện Đắk R'lấp	9	100
1	UBND huyện Cư Jút	9	100
2	UBND huyện Đắk Song	8.5	94.44
3	UBND huyện Đắk Mil	8	88.89
3	UBND huyện Đắk G'long	8	88.89
4	UBND huyện K'rong Nô	7.5	83.33
	Giá trị trung bình	8.5	94.44



Biểu đồ 14: Chỉ số cải cách tài chính công UBND cấp huyện năm 2020

6.3. Đánh giá chung

Qua theo dõi, hầu hết các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về công tác quản lý tài chính, ngân sách; ban hành và thực hiện tốt quy chế quản lý tài sản công tại cơ quan, đơn vị; tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách một cách nghiêm túc; hầu hết các đơn vị có tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư đạt từ 90-100%.

Bên cạnh đó, có một số đơn vị bị trừ điểm do một số nguyên nhân như: Không ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (*Sở Công thương, UBND các huyện Krông Nô, Đắk Mil*); tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư thấp hoặc tài liệu kiểm chứng về tiêu chí thành phần này không đúng yêu cầu (*Các Sở: Y tế, Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh*).

7. Hiện đại hóa nền hành chính

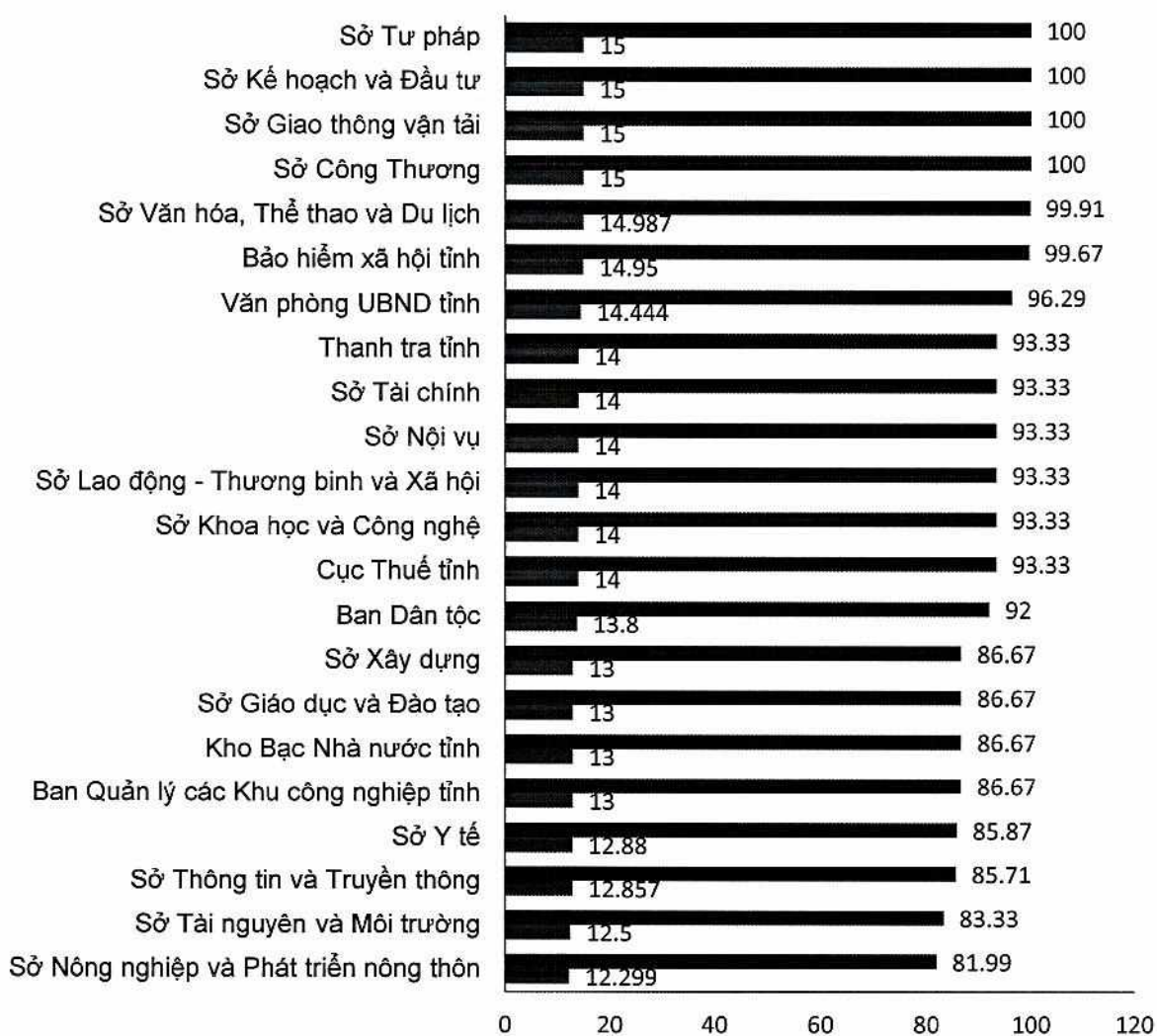
7.1. Các đơn vị cấp tỉnh

Chỉ số thành phần Hiện đại hóa nền hành chính được đánh giá dựa trên 04 tiêu chí gồm: (1) Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của cơ quan, đơn vị; (2) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến; (3) Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI; (4) Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 trong hoạt động. Điểm số tối đa của Chỉ số thành phần này là 15 điểm, kết quả cụ thể:

Xếp hạng	Cấp tỉnh	Điểm hiện đại hóa nền hành chính (tối đa 15 điểm)	Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính(%)
1	Sở Tư pháp	15	100
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	15	100
1	Sở Giao thông vận tải	15	100
1	Sở Công Thương	15	100
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	14.987	99.91
3	Bảo hiểm xã hội tỉnh	14.95	99.67
4	Văn phòng UBND tỉnh	14.444	96.29
5	Thanh tra tỉnh	14	93.33
5	Sở Tài chính	14	93.33
5	Sở Nội vụ	14	93.33
5	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	14	93.33
5	Sở Khoa học và Công nghệ	14	93.33
5	Cục Thuế tỉnh	14	93.33

6	Ban Dân tộc	13.8	92
7	Sở Xây dựng	13	86.67
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	13	86.67
7	Kho Bạc Nhà nước tỉnh	13	86.67
7	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	13	86.67
8	Sở Y tế	12.88	85.87
9	Sở Thông tin và Truyền thông	12.857	85.71
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	12.5	83.33
11	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	12.299	81.99
	Giá trị trung bình	13.85	92.34

■ Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính ■ Điểm hiện đại hóa nền hành chính

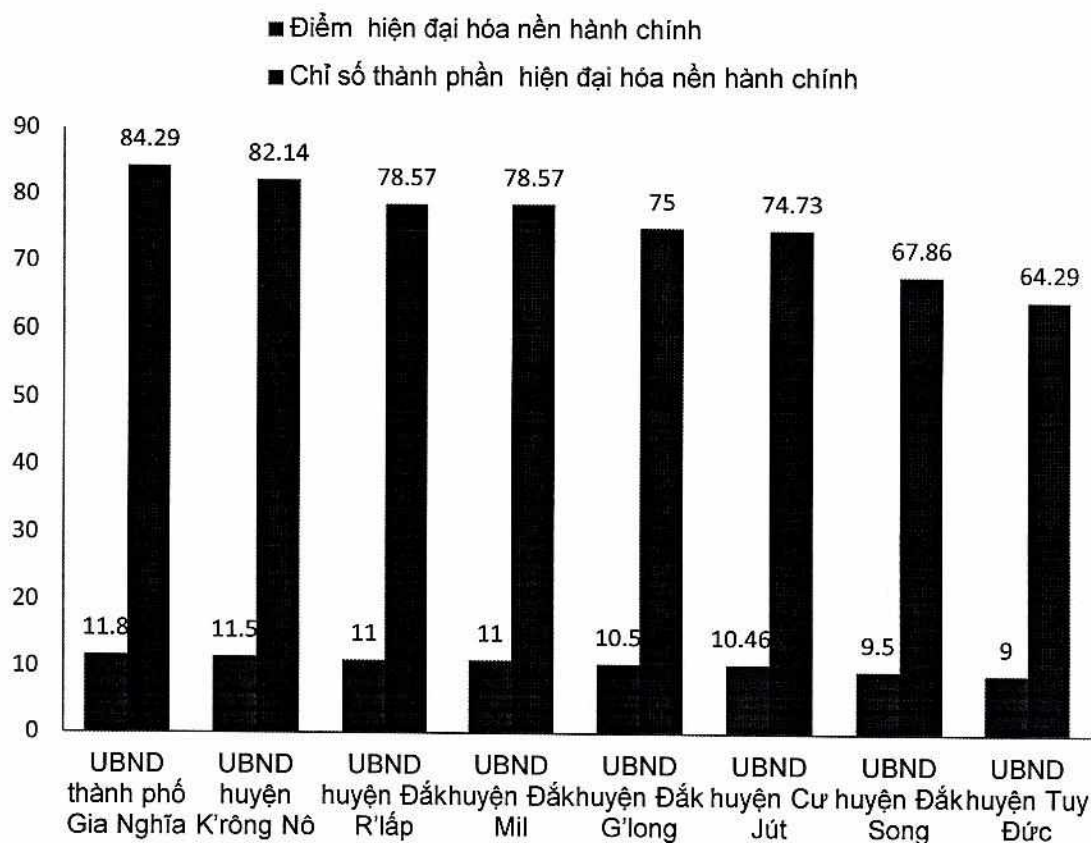


Biểu đồ 15: Chỉ số hiện đại hóa nền hành chính của các đơn vị cấp tỉnh năm 2020

7.2. UBND cấp huyện

Chỉ số thành phần về hiện đại hóa nền hành chính cấp huyện ngoài các tiêu chí thành phần đánh giá của cấp tỉnh còn bổ sung tiêu chí thành phần về “*Chỉ đạo áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại UBND cấp xã trên địa bàn huyện*”. Điểm số tối đa của Chỉ số thành phần này là 14 điểm, Kết quả cụ thể:

Xếp hạng	Cấp huyện	Điểm hiện đại hóa nền hành chính (tối đa 14 điểm)	Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính(%)
1	UBND thành phố Gia Nghĩa	11.8	84.29
2	UBND huyện K'ông Nô	11.5	82.14
3	UBND huyện Đăk R'lấp	11	78.57
3	UBND huyện Đăk Mil	11	78.57
4	UBND huyện Đăk G'long	10.5	75
5	UBND huyện Cư Jút	10.462	74.73
6	UBND huyện Đăk Song	9.5	67.86
7	UBND huyện Tuy Đức	9	64.29
	Giá trị trung bình	10.6	75.68



Biểu đồ 16: Chỉ số hiện đại hóa nền hành chính UBND cấp huyện năm 2020

7.3. Đánh giá chung

So với các năm trước đây, năm 2020 có một số tiêu chí, tiêu chí thành phần của lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính đã được các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt hơn như: Triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm; sử dụng chứng thư số, chữ ký số trao đổi văn bản điện tử; sử dụng hiệu quả Hộp thư điện tử công vụ của tỉnh; cập nhật thường xuyên, đầy đủ, kịp thời các thông tin quản lý, hỗ trợ cá nhân, tổ chức trên Trang thông tin điện tử cơ quan, đơn vị.

Đôi với tiêu chí “*Cung cấp dịch vụ công trực tuyến*” đến nay vẫn chưa được cải thiện. Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 được tiếp nhận và giải quyết vẫn còn rất thấp, hiệu quả chưa cao; có nhiều dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đến nay chưa phát sinh hồ sơ điện tử.

Ngoài ra, có một số đơn vị bị trừ điểm do một số nguyên nhân như: Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm và thực hiện báo cáo năm muộn (*Sở Y tế*). Tỷ lệ cấp xã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 đạt loại tốt chiếm tỷ lệ thấp (*UBND các huyện, thành phố: Tuy Đức, Đắk Glong, Gia Nghĩa*). Tỷ lệ CBCC Sử dụng hiệu quả Hộp thư điện tử công vụ của tỉnh thấp (*UBND các huyện Tuy Đức, Krông Nô, Cư Jút*).

V. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Năm 2020, là năm kết thúc Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, công tác CCHC tiếp tục được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Theo đó, việc ban hành kế hoạch, chương trình và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để đẩy mạnh công tác CCHC đảm bảo khoa học, logic, có lộ trình; 100% hoạt động Kế hoạch CCHC năm 2020 của tỉnh được hoàn thành theo đúng kế hoạch đề ra. Trên cơ sở kế hoạch, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, đơn đốc của Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị đã tích cực triển khai hoàn thành các nhiệm vụ CCHC trong năm tại đơn vị mình.

Việc đánh giá CCHC thông qua Chỉ số CCHC tiếp tục được các cơ quan, đơn vị quan tâm, triển khai một cách đồng bộ. Bộ tiêu chí đánh giá mới đã được điều chỉnh, tinh gọn, tập trung đánh giá những nội dung cơ bản, khái quát nhất trong triển khai CCHC tại các đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm quản lý chấm điểm đã giúp công tác tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị được nhanh chóng, thuận lợi, chính xác; giúp cho việc tổng hợp, rà soát, thẩm định của Hội đồng thẩm định được công khai, minh bạch, thuận tiện cho việc tổng hợp, phân tích, xây dựng báo cáo.

Kết quả Chỉ số CCHC năm 2020 cao hơn năm 2019 (*Giá trị trung bình Chỉ số CCHC năm 2020 của toàn tỉnh là: 89.33%, cao hơn năm 2019 là 3.41%*) cho thấy hầu hết các cơ quan, đơn vị đã có sự quan tâm đúng mức đến công tác CCHC. Đặc biệt, người đứng đầu các cấp, các ngành đã nâng cao vai trò, trách nhiệm trong triển khai CCHC, ban hành đầy đủ các văn bản triển khai CCHC theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên; phân công trách nhiệm việc tổ chức triển khai thực

hiện công tác CCHC; ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng và triển khai đúng tiến độ đề ra. Mặt khác, qua 05 năm triển khai chấm điểm, đánh giá, xác định Chỉ số CCHC, hầu hết các cơ quan, đơn vị đã nắm rõ cách thức chuẩn bị tài liệu kiểm chứng để minh chứng cho các kết quả CCHC đạt được tại cơ quan, đơn vị, do đó không bị mất điểm như các năm trước.

2. Tồn tại, hạn chế

Qua theo dõi, đánh giá cho thấy có một số cơ quan, đơn vị trong việc ban hành các kế hoạch (*Kế hoạch CCHC, tuyên truyền, kiểm tra; rà soát, kiểm tra văn bản QPPL; kiểm soát TTHC; ứng dụng công nghệ thông tin;...*) còn hình thức, chưa cụ thể nhiệm vụ, kết quả đầu ra, thời gian thực hiện, chưa bám sát tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị. Việc thực hiện các báo cáo định kỳ về các lĩnh vực còn sơ sài, không bám sát các nhiệm vụ của kế hoạch, không nêu rõ tỷ lệ % hoàn thành.

Mặc dù Chỉ số CCHC trung bình các cơ quan, đơn vị có tăng lên, nhưng có một số tiêu chí, tiêu chí thành phần có vai trò như điểm sáng của kết quả CCHC và có tác động trực tiếp đến mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp qua các năm đánh giá vẫn chưa có sự cải thiện đáng kể như: Sáng kiến, giải pháp hay về CCHC; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; dịch vụ bưu chính công ích trong tiếp nhận và trả kết quả TTHC.

Đây là năm đầu tiên đưa vào sử dụng phần mềm quản lý chấm điểm CCHC, do đó có nhiều đơn vị khi tự đánh giá, chấm điểm không giải trình rõ tại mục “Giải trình” trên phần mềm về nội dung tự đánh giá, chấm điểm (*Nội dung tài liệu kiểm chứng nằm tại phần/mục/khoản/điểm của Kế hoạch/Báo cáo/Công văn/Kết luận/Thông báo nào?.... số/ngày/tháng/năm ban hành văn bản?.....*); không lưu tên file tài liệu kiểm chứng, đính kèm các tài liệu kiểm chứng không đúng nội dung yêu cầu..... gây khó khăn, mất nhiều thời gian cho công tác thẩm định, chấm điểm.

VI. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CCHC TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Các Sở, Ban, ngành; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; UBND cấp huyện

Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào Chỉ số CCHC năm 2020 tổ chức triển khai phổ biến, quán triệt trong phạm vi cơ quan, đơn vị để nâng cao trách nhiệm của đội ngũ CBCCVC trong công tác CCHC và xác định Chỉ số CCHC hàng năm. Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về quá trình triển khai và kết quả Chỉ số CCHC năm 2020 đạt được để tìm ra nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng, trách nhiệm của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và đề ra giải pháp trong việc cải thiện, nâng cao chất lượng CCHC.

Từ kết quả Chỉ số CCHC năm 2020, các cơ quan, đơn vị tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung sau đây:

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, căn cứ Chương trình CCHC của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2025, các văn bản hướng dẫn của Bộ,

ngành quản lý, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và tình hình thực tế tại đơn vị để xây dựng kế hoạch CCHC đảm bảo chất lượng, khả thi, quan tâm bố trí nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ CCHC, đảm bảo hoàn thành 100% kế hoạch đề ra, thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo định kỳ. Đồng thời, tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra tuyên truyền CCHC. Đặc biệt, chú trọng công tác tuyên truyền CCHC bằng các hình thức phong phú, thiết thực để nâng cao nhận thức, hành động của CBCCVC, nhân dân. Chủ động nghiên cứu, đề xuất đưa ra sáng kiến, cách làm hay trong công tác CCHC.

- Tập trung cải cách thể chế, trong đó trọng tâm là thực hiện tốt công tác xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL do Bộ, ngành quản lý và UBND tỉnh giao; bảo đảm tham mưu các văn bản có quy định rõ ràng, phù hợp với hệ thống văn bản QPPL và tình hình thực tế của địa phương; cập nhật, tham mưu thể chế hóa kịp thời văn bản QPPL của Trung ương. Ban hành kế hoạch và xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật; rà soát, hệ thống hóa VBQPPL theo đúng quy định.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa TTHC, loại bỏ các TTHC không cần thiết và các chi phí không chính thức cho người dân, doanh nghiệp. Kịp thời công bố và công khai và cập nhật TTHC trên Cổng dịch vụ công, Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và tại nơi tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC. Thực hiện tốt việc giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp tại Trung tâm Hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp, giảm thiểu tối đa hồ sơ TTHC trễ hẹn, nghiêm túc xin lỗi người dân, tổ chức khi giải quyết TTHC trễ hẹn; thực hiện đồng bộ, hiệu quả hệ thống phần mềm một cửa điện tử; thực hiện tốt công tác tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị liên quan đến TTHC.

- Thực hiện đúng các quy định của Trung ương, của tỉnh về cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo các lĩnh vực đã được quy định.

- Tiếp tục sắp xếp, bố trí CBCCVC theo đúng vị trí việc làm đã phê duyệt. Tăng cường công tác kiểm tra, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương cho đội ngũ CBCCVC, nhất là đội ngũ công chức, viên chức trực tiếp giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp; thực hiện tuyển dụng, luân chuyển, tiếp nhận, bổ nhiệm công chức, viên chức đúng với năng lực, tiêu chuẩn của vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đối với một số UBND cấp huyện có tỷ lệ chuẩn hóa đội ngũ cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã chưa đạt 100% trong thời gian tới cần có biện pháp chỉ đạo để nâng tỷ lệ chuẩn hóa đạt 100%.

- Tiếp tục thực hiện đúng các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó tập trung thực hiện tốt các nội dung như: Ban hành và thực hiện đúng quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; xây dựng phương án tiết kiệm chi ngân sách nhà nước đối với dự toán được giao. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập chủ động nghiên cứu mở rộng các dịch vụ tạo thêm nguồn thu hợp pháp để đảm bảo tự chủ kinh phí hoạt động. Nghiêm túc tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

nhà nước về tài chính, ngân sách. Ban hành quy chế và thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Chủ động triển khai các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh hàng năm và ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm tại cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng quy định, đảm bảo khả thi. Bố trí kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (nhất là cấp xã) để cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; áp dụng vào việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả TTHC trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gắn với áp dụng ISO 9001:2015 điện tử và dịch vụ bưu chính công ích.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện đánh giá, chấm điểm và xếp loại Chỉ số CCHC hàng năm để có kết quả Chỉ số chính xác, khách quan và công bố đúng thời gian quy định. Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm nghiêm túc, thực chất, tránh nặng về thành tích để kết quả điểm khách quan, chính xác, sát với tình hình triển khai và kết quả đạt được trong CCHC. Kịp thời rà soát, phản ánh, kiến nghị với UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) những vấn đề chưa hợp lý về nội dung, phương pháp xác định chỉ số CCHC để nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Các cơ quan đầu mối triển khai các lĩnh vực CCHC của tỉnh

Giao các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ và Văn phòng UBND tỉnh tiếp tục làm đầu mối hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong triển khai các lĩnh vực CCHC. Đặc biệt, đối với việc theo dõi các số liệu liên quan để cung cấp cho Hội đồng thẩm định trong đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC hàng năm, đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ Bộ tiêu chí đánh giá của UBND tỉnh ban hành, lập danh mục các nội dung cần theo dõi, lấy số liệu để cung cấp một cách cụ thể, rõ ràng, chính xác hơn.

3. Giao Sở Nội vụ

- Tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị sử dụng hiệu quả Chỉ số CCHC trong chỉ đạo, điều hành. Thực hiện tốt công tác kiểm tra CCHC tại các cơ quan, đơn vị để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục, nâng cao hiệu quả công tác CCHC trong những năm tiếp theo.

- Căn cứ nội dung định hướng CCHC của Chính phủ trong giai đoạn 2021 - 2025, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, rà soát, đề xuất bổ sung các tiêu chí, tiêu chí thành phần để sửa đổi, thay thế Bộ tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số CCHC nhằm đánh giá chính xác, phù hợp với định hướng CCHC của Chính phủ trong giai đoạn mới và tình hình thực tế.

Đồng thời phối hợp với Công ty cung cấp phần mềm nâng cấp phần mềm quản lý, chấm điểm CCHC phù hợp với Bộ tiêu chí mới.

4. Giao Sở Tài chính

Tham mưu bố trí kinh phí để xây dựng lại Bộ tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số CCHC; kinh phí nâng cấp phần mềm chấm điểm theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả Chỉ số CCHC năm 2020 của các Sở, Ban, ngành; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và UBND cấp huyện, UBND tỉnh Đắk Nông báo cáo Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTT(La).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Trung